

Số: 1040a /QĐ-SYT

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Sở Y tế Đồng Tháp

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-SYT ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc điều chỉnh giảm, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Văn phòng Sở Y tế Đồng Tháp theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và các phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Sở (đăng Website);
- Lưu :VT, KHTC.





UBND TỈNH ĐỒNG THÁP
SỞ Y TẾ
Chương: 423
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 2023
(Kèm theo Quyết định số: 1040a/QĐ-SYT ngày 18 / 8 /2023 của Sở Y tế Đồng Tháp
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	A. PHẦN THU	
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	(6.033.369)
4.2.1	Khoản 131 điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ ngành	(6.047.000)
4.2.2	Khoản 139 điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ ngành	(50.000)
4.2.3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ngành	
4.2.4	Khoản 139 phân bổ kinh phí: chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán + chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	29.696
4.2.5	Khoản 139 phân bổ kinh phí: Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	33.935